

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo kiểm toán độc lập	14 - 15
Báo cáo thu nhập	16
Báo cáo tình hình tài chính	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	19
Báo cáo danh mục đầu tư	20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23 - 61



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 VNĐ, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 266.935.316.200 VNĐ, tương đương với 26.693.531,62 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ" hoặc "VCBF").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thùy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 8 năm 2019
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Quang Đông	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 7,38% và 2,27% so với ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn và sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định chủ yếu là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao.

Quỹ sẽ áp dụng phương pháp lựa chọn các khoản đầu tư phù hợp với từng loại tài sản nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ và tuân thủ các quy định tại Điều lệ quỹ. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện phân bổ tài sản hợp lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm tài sản có thu nhập cố định, cổ phiếu, công cụ phái sinh và các quyền tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ. Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ sẽ đầu tư lên đến 100% tài sản của Quỹ vào các tài sản có thu nhập cố định. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 386.080.314.160 Việt Nam đồng.
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 26.693.531,62 chứng chỉ quỹ.

11/21/2025 10:11 AM

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ: Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Phân bổ tài sản quỹ

<i>Phân bổ tài sản quỹ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)</i>
Danh mục trái phiếu	59,85	58,97	84,37
Tài sản khác	40,15	41,03	15,63
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	386.080.314.160	143.304.007.478	89.900.883.497
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	26.693.531,62	10.639.576,72	7.334.382,59
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	14.463,44	13.468,95	12.257,45
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	14.464,92	13.472,25	12.257,45
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	13.469,44	12.226,87	11.435,65
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ	7,38	9,88	7,22
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	(0,01)	1,07	(0,62)
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	7,39	8,81	7,84
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	-	-	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	0,66	1,35	1,23
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	44,08	20,87	33,98

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn / 1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

(c) Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)</i>	<i>Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)</i>
1 năm (từ 1/1/2024 đến 31/12/2024)	7,38	2,27
3 năm (từ 1/1/2022 đến 31/12/2024)	26,52	9,40
3 năm (bình quân năm)	8,16	3,04
Từ khi thành lập	44,63	17,85
Từ khi thành lập (bình quân năm)	7,07	3,09

4. Tăng trưởng hàng năm

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2024 (%)</i>	<i>Năm 2023 (%)</i>	<i>Năm 2022 (%)</i>
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	7,38	9,88	7,22

802
T
H
Y
V
C

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP tiếp tục duy trì xu hướng từ các quý trước như kỳ vọng, đạt mức tăng trưởng 7,1% cho cả năm 2024, tương đương với mức tăng trưởng của những năm 2018 và 2019 trước dịch Covid:

- ▶ Khu vực Công nghiệp và Xây dựng (chiếm 37,6% GDP) tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2023 (tăng 3,7%), nhờ sự tăng trưởng của ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo, tăng 9,8% trong năm 2024 cao hơn so với mức tăng 6,0% của ba năm liền trước, và sự hỗ trợ của ngành Xây dựng, tăng 7,9% (2023: 7,1%), trong khi ngành Khai khoáng tiếp tục suy yếu xuống mức -7,2% từ mức -3,2% của năm ngoái do sản lượng khai thác dầu thô và khí tự nhiên giảm.
- ▶ Khu vực Dịch vụ (42,4% GDP) vẫn tiếp tục đà phục hồi, tăng 7,4% so với cùng kỳ trong năm 2024, đóng góp 49,5% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- ▶ Khu vực Nông, lâm ngư nghiệp (11,9% GDP) tăng 3,3% so với cùng kỳ và đóng góp 5,4% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- ▶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng 9,0% so với cùng kỳ năm trước tính theo giá hiện hành và tăng 5,9% tính theo giá trị thực, đều giảm so với mức tăng trưởng lần lượt là 9,4% và 6,8% trong năm 2023.
- ▶ Chỉ số PMI giảm trở lại dưới mức 50 điểm, đạt 49,8 điểm trong tháng 12. Sau khi phục hồi từ mức 47,3 điểm do ảnh hưởng của bão Yagi vào tháng 9, lượng đơn đặt hàng mới và đơn đặt hàng xuất khẩu đã chậm lại trong tháng 12.
- ▶ Xuất khẩu ghi nhận số lượng đơn đặt hàng cao hơn, tăng 14,3% so với cùng kỳ trong 2024, hầu hết các nhóm hàng đều tăng trưởng tốt, dẫn đầu là thiết bị điện tử (tăng 26,6% so với cùng kỳ) và máy móc (tăng 21,0% so với cùng kỳ).
- ▶ Lạm phát ở mức 3,6% và duy trì dưới ngưỡng 4,0% được Chính phủ đề ra từ đầu năm.

VNĐ giảm so với USD trong quý 4 và đảo ngược sự tăng giá của VNĐ trong quý 3 khiến VNĐ giảm 5,0% so với USD cho cả năm 2024. Tuy nhiên, cán cân vốn tốt đã giúp NHNN giảm thiểu tác động của việc đồng USD mạnh lên nhiều trong quý cuối năm, thể hiện bằng chỉ số DXY, chỉ số đo lường sức mạnh đồng USD theo trọng số thương mại, tăng 7,1% so với cuối năm 2023.

2. Thị trường trái phiếu

Tính đến cuối năm 2024, Kho bạc Nhà Nước đã gọi thầu thành công 330,4 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 82,6% kế hoạch phát hành năm. Thanh khoản hệ thống ngân hàng suy giảm trong quý cuối năm cùng với lo ngại gia tăng về việc mất giá tiền đồng theo đó đẩy lợi tức Trái phiếu Chính phủ trên thị trường sơ cấp lên cao đã dẫn đến sự sụt giảm khối lượng dự thầu. Khối lượng Dự thầu quý 4 chỉ đạt 110,9 nghìn tỷ đồng, bằng 57% khối lượng dự thầu bình quân theo quý trong 9 tháng đầu năm. Tại thời điểm cuối năm 2024, trái phiếu 5 năm giao dịch quanh mức 2,3%, 76 điểm phần trăm cao hơn mức cuối tháng 12 năm 2023. Kỳ hạn 10-15 năm giao dịch quanh mức 3,0%-3,15%, tương ứng với mức tăng 70 điểm phần trăm so với cuối quý 4 2023. Lợi tức trái phiếu kỳ hạn siêu dài 20-30 năm tăng trong biên độ hẹp hơn, khoảng 30 điểm trong năm 2024.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu (tiếp theo)

Đối với hoạt động phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp, khối lượng phát hành đạt 453 nghìn tỷ đồng trong cả năm 2024, gấp hơn 3 lần so với khối lượng phát hành trong 6 tháng 2024. Ngân hàng tiếp tục là tổ chức phát hành lớn nhất, chiếm 66% tổng khối lượng phát hành. Trên thị trường phát hành ra công chúng, các tổ chức phát hành phát hành thành công 35,8 nghìn tỷ đồng. Lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại có xu hướng tăng, cùng với sự tăng mạnh của lãi suất liên ngân hàng trong nửa cuối năm khiến lãi suất coupon của trái phiếu ngân hàng kỳ hạn ngắn tăng lên trong những tháng cuối năm, tuy nhiên lãi suất coupon của trái phiếu tăng vốn cấp hai kỳ hạn dài của ngân hàng vẫn tương đối ổn định. So với cuối năm 2023, lãi suất coupon năm đầu trái phiếu ngân hàng 2-3 năm tăng khoảng 50 điểm phần trăm lên 5,3%-5,8%, trong khi lợi tức trái phiếu ngân hàng kỳ hạn 7-8 năm dao động trong khoảng 5,8%-7,5%. Trái phiếu do các doanh nghiệp trong lĩnh vực phi tài chính phát hành tương đối ổn định trong khoảng 9-12%, tương tự thời điểm cuối 2023.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	7,39	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	(0,01)	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	7,38	7,07
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	386.080.314.160	143.304.007.478	169,41
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	14.463,44	13.468,95	7,38

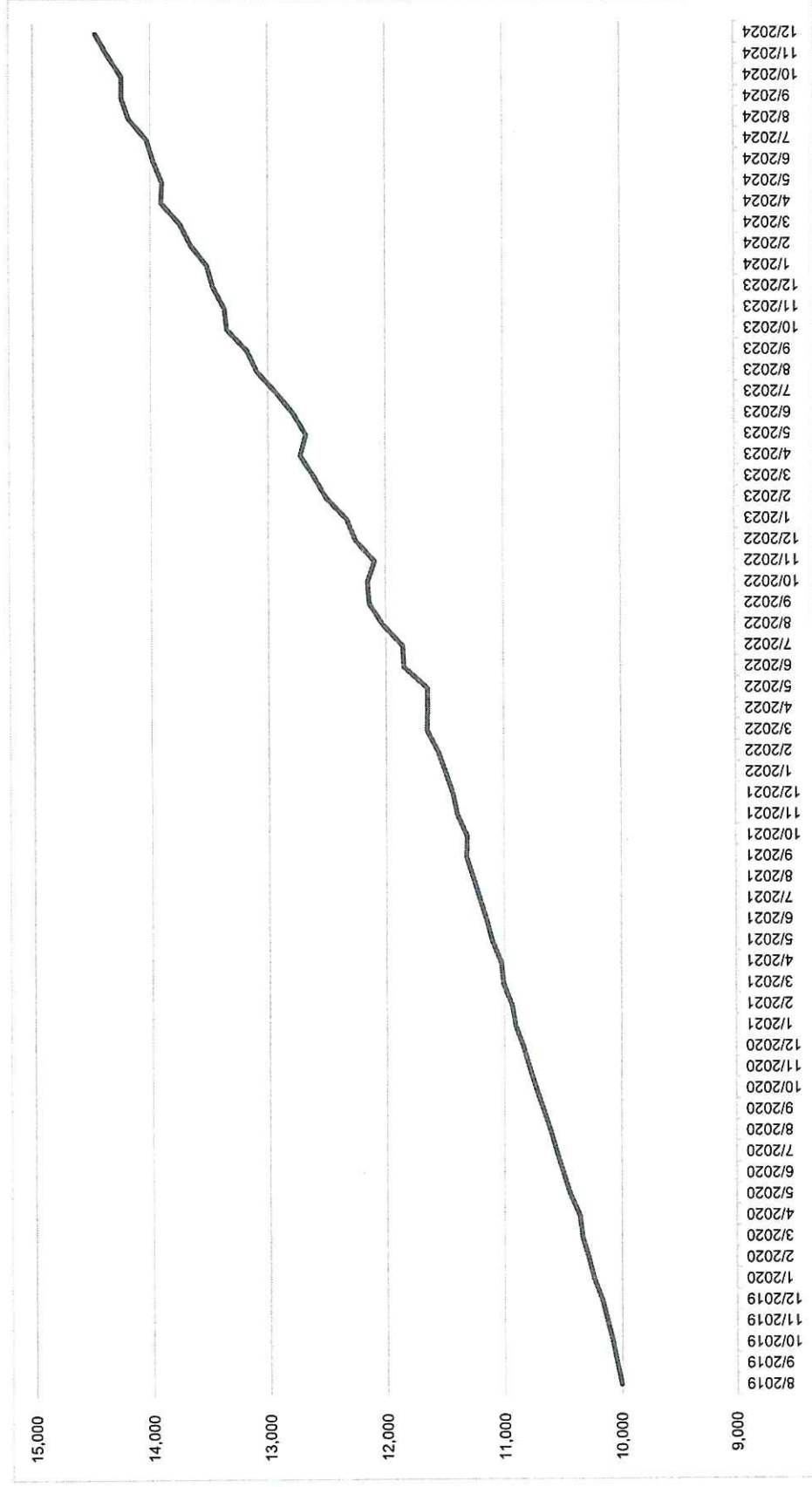
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	6.249	3.572.561,40	13,38
Từ 5.000 đến 10.000	275	1.957.063,06	7,33
Từ 10.000 đến 50.000	297	6.354.694,77	23,81
Từ 50.000 đến 500.000	61	7.468.162,42	27,98
Trên 500.000	2	7.341.049,97	27,50
Tổng cộng	6.884	26.693.531,62	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Sang năm 2025, dự kiến lợi tức trái phiếu tiếp tục tăng cao cho trong quý 1 do thanh khoản tiếp tục hạn chế và lo ngại về tỉ giá tiếp tục gia tăng. Các tác động này sẽ giảm dần trong các quý sau. Tuy nhiên, so với năm 2024, nhu cầu vốn sẽ lớn hơn tương đối do tiềm năng mở rộng kinh doanh ở khu vực kinh tế tư nhân và giải ngân đầu tư công ở khu vực nhà nước. Ở khu vực tư nhân, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng cao, môi trường kinh doanh được cải thiện, cải cách hành chính được đẩy mạnh sẽ thúc đẩy các hoạt động đầu tư. Ở khu vực nhà nước, Quốc Hội đã phê duyệt ngân sách đầu tư công 790,7 nghìn tỷ đồng cho năm 2025, cao hơn 16,7% so với năm 2024. Bên cạnh đó, áp lực lên VNĐ sẽ duy trì trong năm 2025 khi đồng USD tiếp tục mạnh và lãi suất USD neo cao. Theo đó, lợi tức trái phiếu dự kiến sẽ tăng trong năm 2025.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ ở nhóm các ngân hàng sẽ tiếp tục sôi động trong năm 2025. Để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% của Chính phủ, tăng trưởng tín dụng có thể sẽ vượt kế hoạch 16%, theo đó nhu cầu vốn của các ngân hàng thương mại sẽ cao hơn. Đối với hoạt động phát hành riêng lẻ của các tổ chức phi tín dụng, các quy định mới trong Luật chứng khoán sửa đổi mới ban hành đã thắt chặt hơn hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư cá nhân. Theo đó, hoạt động phát hành có thể chậm lại do các tổ chức phát hành cần thu xếp để có xếp hạng tín nhiệm theo yêu cầu của luật. Trên thị trường phát hành ra công chúng, chưa có tín hiệu cho thấy sẽ có nhiều đợt chào bán hơn từ các tổ chức phi tín dụng trong năm 2025. Theo đó, lãi suất huy động của các ngân hàng dự kiến sẽ tăng, còn lợi tức trái phiếu doanh nghiệp dự kiến sẽ tiếp tục dao động trong khoảng 9%-12%.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

W.S.C
★
W.S.C



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF (“Quỹ” hoặc “VCBF-FIF”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12841689/68277648

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 16 đến trang 61 bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

==
.08
CÔ
HN
ST
JIÊ
-TH
==

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		20.554.803.364	10.520.125.769
03	1.1 Tiền lãi được nhận	13	20.962.453.964	9.558.612.169
04	1.2 Lãi bán các khoản đầu tư	14	(305.641.120)	(129.390.577)
05	1.3 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(102.009.480)	1.090.904.177
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		31.148.403	5.272.303
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	31.148.403	4.942.303
15	2.2 Chi phí đầu tư khác		-	330.000
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.767.631.342	1.321.272.407
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	476.897.687	98.298.524
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	146.910.719	141.080.108
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	211.200.000	211.200.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	448.800.000	426.800.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, đại hội Quỹ mở		69.310.936	31.763.275
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		142.560.000	143.880.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	139.952.000	136.250.500
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		18.756.023.619	9.193.581.059
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		18.756.023.619	9.193.581.059
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		18.858.033.099	8.102.676.882
32	5.2 (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	5	(102.009.480)	1.090.904.177
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		18.756.023.619	9.193.581.059

18
IG
EM
&
iN
HI

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	119.146.651.555	58.547.552.909
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		8.756.405.187	11.097.051.006
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		110.390.246.368	47.450.501.903
120	2. Các khoản đầu tư thuần		263.513.986.394	87.090.789.921
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	263.513.986.394	87.090.789.921
130	3. Các khoản phải thu		7.450.334.738	2.056.680.177
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		7.450.334.738	2.056.680.177
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	7.450.334.738	2.056.680.177
100	TỔNG TÀI SẢN		390.110.972.687	147.695.023.007
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	23.1	137.923.859	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		29.914.415	-
316	3. Chi phí phải trả	7	27.000.000	71.280.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	8	3.074.464.900	4.232.293.850
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	9	622.039.780	67.441
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	139.315.573	87.374.238
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		4.030.658.527	4.391.015.529
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NÁM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		386.080.314.160	143.304.007.478
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		266.935.316.200	106.395.767.200
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	391.096.763.200	160.812.538.200
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(124.161.447.000)	(54.416.771.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		75.098.953.265	11.618.219.202
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	44.046.044.695	25.290.021.076
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	11	14.463,44	13.468,95

22-C.
 TY
 HỮU HẠ
 'OUN
 AM
 CHỈ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm Chứng chỉ quỹ	Số đầu năm Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	26.693.531,62	10.639.576,72

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở ("NAV") đầu năm	143.304.007.478	89.900.883.497
II	Thay đổi NAV trong năm	18.756.023.619	9.193.581.059
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	18.756.023.619	9.193.581.059
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	224.020.283.063	44.209.542.922
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	321.680.531.608	66.013.662.410
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(97.660.248.545)	(21.804.119.488)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	386.080.314.160	143.304.007.478

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Lê Văn
 Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)
I	Trái phiếu			233.485.449.408	59,85
1	Trái phiếu niêm yết			201.573.764.608	51,67
1.1	- MSN123008	380.000	100.150,338	38.057.128.440	9,76
1.2	- CTD122015	60	1.000.000.000,000	60.000.000.000	15,38
1.3	- MML121021	319.000	100.897,370	32.186.261.030	8,25
1.4	- TNG122017	270.829	101.734,329	27.552.606.589	7,06
1.5	- VHM121025	430.779	101.624,658	43.777.768.549	11,22
2	Trái phiếu chưa niêm yết			31.911.684.800	8,18
2.1	- BCM12406	320	99.724.015,000	31.911.684.800	8,18
II	Các tài sản khác			7.450.334.738	1,91
1	Dự thu lãi trái phiếu			6.817.235.053	1,75
2	Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			426.578.082	0,11
3	Dự thu lãi tiền gửi			206.521.603	0,05
III	Tiền			149.175.188.541	38,24
1	Tiền gửi ngân hàng			127.175.188.541	32,60
1.1	- Tiền gửi thanh toán			8.756.405.187	2,24
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			110.390.246.368	28,30
1.3	- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng			8.028.536.986	2,06
2	Chứng chỉ tiền gửi			22.000.000.000	5,64
IV	Tổng giá trị danh mục			390.110.972.687	100,00

Bà Lê Văn
 Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
 Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		18.756.023.619	9.193.581.059
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		30.729.480	(1.098.404.177)
	Trong đó:			
03	Lỗ/(lãi) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	102.009.480	(1.090.904.177)
04	Chi phí trích trước		(71.280.000)	(7.500.000)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		18.786.753.099	8.095.176.882
20	Tăng các khoản đầu tư		(176.525.205.953)	(4.967.279.125)
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(5.393.654.561)	343.623.199
11	Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		137.923.859	(41.693.845)
13	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		29.914.415	(9.536.320)
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(1.157.828.950)	4.207.860.673
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		621.972.339	67.441
16	Tăng phải trả phải nộp khác		27.000.000	-
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		51.941.335	24.547.693
19	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(163.421.184.417)	7.652.766.598
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	321.680.531.608	66.013.662.410
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(97.660.248.545)	(21.804.119.488)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		224.020.283.063	44.209.542.922
40	III. TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		60.599.098.646	51.862.309.520

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	58.547.552.909	6.685.243.389
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		58.547.552.909	6.685.243.389
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		54.315.191.618	6.660.810.212
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		47.450.501.903	6.103.156.165
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		6.864.689.715	557.654.047
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		4.232.361.291	24.433.177
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	119.146.651.555	58.547.552.909
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		119.146.651.555	58.547.552.909
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		110.873.399.732	54.315.191.618
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		110.390.246.368	47.450.501.903
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		483.153.364	6.864.689.715
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		8.273.251.823	4.232.361.291
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		60.599.098.646	51.862.309.520

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Lê Văn
 Trưởng phòng Dịch vụ Quý và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 VNĐ, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 266.935.316.200 VNĐ, tương đương với 26.693.531,62 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định. Tài sản cho thu nhập cố định của Quỹ sẽ chủ yếu bao gồm trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được bảo lãnh của Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên thì Quỹ có thể đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định khác. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

- iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- d. Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- e. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f. Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - FIF;
- g. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- h. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- i. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật quy định phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d) và (g) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (a), (b), (c), (d) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư”. Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục “Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.

11/07/2025 14:11

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc trong các trường hợp khác được chi tiết tại Sổ tay định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đảo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Trường hợp trái phiếu chính phủ/ trái phiếu chính phủ bảo lãnh/ trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</p>
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá.
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền}; Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua / Số lượng quyền mua sở hữu
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

1/20 11/20 11/20 11/20

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng được thực hiện như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng

Giá dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư đại chúng mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ/năm.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hàng năm tối đa sẽ là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư đại chúng (tiếp theo)

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.9.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/ trên mỗi giao dịch.

3.9.5 Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quý chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quý trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, không bao gồm các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quỹ sử dụng phương pháp và các giả định như tại *Thuyết minh 22* để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm VNĐ</u>	<u>Số đầu năm VNĐ</u>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	483.153.364	6.864.689.715
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ	8.273.251.823	4.232.361.291
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	<u>110.390.246.368</u>	<u>47.450.501.903</u>
	<u>119.146.651.555</u>	<u>58.547.552.909</u>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	Chênh lệch tăng/(giảm) thuần VNĐ	Giá trị đánh giá lại VNĐ
	Giá mua VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	Chênh lệch tăng/(giảm) thuần VNĐ					
Ngày 31 tháng 12 năm 2024									
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	201.029.840.534	822.544.079	(278.620.005)	543.924.074	201.573.764.608			201.573.764.608	
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	31.962.290.434	-	(50.605.634)	(50.605.634)	31.911.684.800			31.911.684.800	
Chứng chỉ tiền gửi	22.000.000.000	-	-	-	22.000.000.000			22.000.000.000	
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	8.028.536.986	-	-	-	8.028.536.986			8.028.536.986	
	263.020.667.954	822.544.079	(329.225.639)	493.318.440	263.513.986.394			263.513.986.394	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023									
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	76.495.462.001	753.825.313	(158.497.393)	595.327.920	77.090.789.921			77.090.789.921	
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000			10.000.000.000	
	86.495.462.001	753.825.313	(158.497.393)	595.327.920	87.090.789.921			87.090.789.921	
				(102.009.480)					

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập

(a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes, Công ty Cổ phần Meatlife, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG và Công ty CP Tập đoàn Masan phát hành, kỳ hạn từ 4 đến 5 năm, lãi suất từ 8,575%/năm đến 10,000%/năm, lãi trả 3 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần.

Trái phiếu do Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons phát hành, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 9,50%/năm, lãi trả 6 tháng/lần. Trái phiếu do Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons này đã hủy niêm yết từ 30/12/2024 do đến thời gian đáo hạn, thuộc trường hợp hủy bỏ niêm yết theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ngày 31/12/2020. Đến ngày 14 tháng 1 năm 2025, tổ chức phát hành đã hoàn trả toàn bộ gốc và lãi.

(b) Trái phiếu do Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP phát hành, kỳ hạn 3 năm kể từ ngày phát hành, lãi suất là 10,20%/năm, lãi trả 6 tháng/lần.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. DỰ THU CÒ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	6.817.235.053	1.988.791.811
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	426.578.082	-
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	206.521.603	67.888.366
	<u>7.450.334.738</u>	<u>2.056.680.177</u>

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Thù lao Ban đại diện quỹ	27.000.000	-
Phí kiểm toán	-	71.280.000
	<u>27.000.000</u>	<u>71.280.000</u>

8. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ

	<u>Số cuối năm VNĐ</u>	<u>Số đầu năm VNĐ</u>
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	62.095.573	10.374.238
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000	17.600.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	220.000	-
	<u>139.315.573</u>	<u>87.374.238</u>

11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Số dư đầu năm VNĐ</u>	<u>Phát sinh trong năm VNĐ</u>	<u>Số dư cuối năm VNĐ</u>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	16.081.253,82	23.028.422,50	39.109.676,32
Giá trị ghi theo mệnh giá	160.812.538.200	230.284.225.000	391.096.763.200
Thặng dư vốn	22.126.326.649	91.396.306.608	113.522.633.257
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	182.938.864.849	321.680.531.608	504.619.396.457
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(5.441.677,10)	(6.974.467,60)	(12.416.144,70)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(54.416.771.000)	(69.744.676.000)	(124.161.447.000)
Thặng dư vốn	(10.508.107.447)	(27.915.572.545)	(38.423.679.992)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(64.924.878.447)	(97.660.248.545)	(162.585.126.992)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	<u>10.639.576,72</u>	<u>16.053.954,90</u>	<u>26.693.531,62</u>
Giá trị vốn góp hiện hành	<u>118.013.986.402</u>	<u>224.020.283.063</u>	<u>342.034.269.465</u>
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>25.290.021.076</u>	<u>18.756.023.619</u>	<u>44.046.044.695</u>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	<u>143.304.007.478</u>		<u>386.080.314.160</u>
Giá trị tài sản ròng quỹ mở trên 1 chứng chỉ quỹ	<u>13.468,95</u>		<u>14.463,44</u>

12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<u>Năm nay VNĐ</u>	<u>Năm trước VNĐ</u>
Lợi nhuận đã thực hiện	43.552.726.255	24.694.693.156
Lợi nhuận chưa thực hiện	493.318.440	595.327.920
	<u>44.046.044.695</u>	<u>25.290.021.076</u>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

13. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tiền lãi từ trái phiếu	18.447.074.220	8.468.650.910
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	2.081.530.784	505.343.946
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	426.578.082	583.290.411
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	7.270.878	1.326.902
	20.962.453.964	9.558.612.169

14. LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lỗ bán chứng khoán trong năm VNĐ
Trái phiếu niêm yết	44.649.400.000	44.955.041.120	(305.641.120)
Trái phiếu chưa niêm yết	10.000.000.000	10.000.000.000	-
	54.649.400.000	54.955.041.120	(305.641.120)
	Năm trước		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lỗ bán chứng khoán trong năm VNĐ
Trái phiếu niêm yết	24.926.800.000	25.056.190.577	(129.390.577)
Chứng chỉ tiền gửi	11.000.000.000	11.000.000.000	-
	35.926.800.000	36.056.190.577	(129.390.577)

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	31.148.403	4.927.303
Chi phí đầu tư khác	-	330.000
Chi phí thanh toán bù trừ	-	15.000
	31.148.403	5.272.303

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm 2024, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%) (7)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%) (8)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ (4)	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VNĐ (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua chứng khoán trong năm (%) (6)=(4)/(5)		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	Không liên quan	75.734.927.070	242.670.856.577	31,21%	0,02	0,00 - 0,45
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	37.765.840.000	242.670.856.577	15,56%	0,02	0,00 - 0,45
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Không liên quan	18.863.612.320	242.670.856.577	7,77%	0,02	0,00 - 0,45
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	Không liên quan	10.305.003.250	242.670.856.577	4,25%	0,01	0,00 - 0,45
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Không liên quan	39.914.223.937	242.670.856.577	16,45%	0,01	0,00 - 0,45
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán ASAM	Không liên quan	5.154.700.000	242.670.856.577	2,12%	0,02	0,00 - 0,45
7	Giao dịch chứng khoán không niêm yết	Không liên quan	54.932.550.000	242.670.856.577	22,64%	Không áp dụng	Không áp dụng
	Tổng		242.670.856.577		100,00%		

(*) Giao dịch chứng khoán không niêm yết bao gồm trái phiếu chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch ngoài sàn.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	132.000.000	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	12.100.000	7.700.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam	2.810.719	1.380.108
	146.910.719	141.080.108

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí ngân hàng	12.342.000	8.750.500
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000	7.500.000
Chi phí khác	110.000	-
	139.952.000	136.250.500

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2023	143.304.007.478	10.639.576,72	13.468,95	
Kỳ 1 Tháng 1/2024	143.329.072.080	10.639.576,72	13.471,31	2,36
Kỳ 2 Tháng 1/2024	142.205.404.292	10.531.090,73	13.503,38	32,07
Kỳ 3 Tháng 1/2024	153.624.598.212	11.384.395,15	13.494,31	(9,07)
Kỳ 4 Tháng 1/2024	159.937.355.834	11.874.086,69	13.469,44	(24,87)
Kỳ 5 Tháng 1/2024	161.347.732.612	11.957.703,51	13.493,20	23,76
Kỳ 6 Tháng 1/2024	163.315.434.799	12.086.382,05	13.512,35	19,15
Kỳ 7 Tháng 1/2024	164.582.930.413	12.172.608,42	13.520,76	8,41
Kỳ 8 Tháng 1/2024	169.806.454.606	12.581.320,78	13.496,71	(24,05)
Kỳ 9 Tháng 1/2024	172.091.186.629	12.729.998,01	13.518,55	21,84
Kỳ cuối Tháng 1/2024	173.090.682.886	12.803.087,18	13.519,44	0,89
Kỳ 1 Tháng 2/2024	174.412.779.061	12.883.553,94	13.537,62	18,18
Kỳ 2 Tháng 2/2024	178.731.223.125	13.158.143,72	13.583,31	45,69
Kỳ 3 Tháng 2/2024	177.672.127.180	13.077.628,34	13.585,95	2,64
Kỳ 4 Tháng 2/2024	180.280.396.399	13.232.617,79	13.623,94	37,99
Kỳ 5 Tháng 2/2024	181.548.358.709	13.357.110,86	13.591,88	(32,06)
Kỳ 6 Tháng 2/2024	186.795.846.898	13.711.503,39	13.623,29	31,41
Kỳ cuối Tháng 2/2024	188.632.479.169	13.812.003,98	13.657,14	33,85
Kỳ 1 Tháng 3/2024	188.727.605.183	13.812.003,98	13.664,02	6,88
Kỳ 2 Tháng 3/2024	189.065.461.185	13.839.726,94	13.661,06	(2,96)
Kỳ 3 Tháng 3/2024	190.688.422.754	13.911.667,83	13.707,08	46,02
Kỳ 4 Tháng 3/2024	201.314.746.574	14.679.630,93	13.713,88	6,80
Kỳ 5 Tháng 3/2024	206.236.854.206	14.994.921,58	13.753,78	39,90
Kỳ 6 Tháng 3/2024	208.236.760.926	15.206.153,93	13.694,24	(59,54)
Kỳ 7 Tháng 3/2024	216.594.459.794	15.757.431,60	13.745,54	51,30
Kỳ 8 Tháng 3/2024	221.692.881.574	16.122.443,81	13.750,57	5,03
Kỳ cuối Tháng 3/2024	224.155.059.807	16.302.552,34	13.749,69	(0,88)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2024	224.197.346.014	16.302.552,34	13.752,28	2,59
Kỳ 2 Tháng 4/2024	224.844.016.055	16.374.699,06	13.731,18	(21,10)
Kỳ 3 Tháng 4/2024	224.453.336.778	16.287.614,26	13.780,61	49,43
Kỳ 4 Tháng 4/2024	226.806.538.806	16.453.841,60	13.784,41	3,80
Kỳ 5 Tháng 4/2024	229.640.055.585	16.594.809,04	13.838,06	53,65
Kỳ 6 Tháng 4/2024	231.682.600.737	16.737.253,34	13.842,33	4,27
Kỳ 7 Tháng 4/2024	232.263.054.712	16.772.051,97	13.848,21	5,88
Kỳ cuối Tháng 4/2024	234.814.178.658	16.883.618,09	13.907,81	59,60
Kỳ 1 Tháng 5/2024	234.862.272.799	16.883.618,09	13.910,66	2,85
Kỳ 2 Tháng 5/2024	238.894.159.692	17.153.728,89	13.926,66	16,00
Kỳ 3 Tháng 5/2024	245.188.146.714	17.623.970,71	13.912,19	(14,47)
Kỳ 4 Tháng 5/2024	248.306.432.382	17.840.673,38	13.917,99	5,80
Kỳ 5 Tháng 5/2024	250.781.833.323	18.086.561,01	13.865,64	(52,35)
Kỳ 6 Tháng 5/2024	253.502.328.691	18.282.543,58	13.865,81	0,17
Kỳ 7 Tháng 5/2024	256.314.846.551	18.468.254,07	13.878,67	12,86
Kỳ 8 Tháng 5/2024	258.690.258.697	18.550.176,62	13.945,43	66,76
Kỳ 9 Tháng 5/2024	260.497.825.340	18.734.843,72	13.904,45	(40,98)
Kỳ cuối Tháng 5/2024	263.421.672.948	18.950.279,41	13.900,67	(3,78)
Kỳ 1 Tháng 6/2024	263.887.679.089	18.950.279,41	13.925,26	24,59
Kỳ 2 Tháng 6/2024	264.308.840.742	18.992.108,24	13.916,77	(8,49)
Kỳ 3 Tháng 6/2024	265.733.555.716	19.010.986,62	13.977,89	61,12
Kỳ 4 Tháng 6/2024	267.381.972.756	19.091.970,11	14.004,94	27,05
Kỳ 5 Tháng 6/2024	267.427.526.780	19.144.683,50	13.968,76	(36,18)
Kỳ 6 Tháng 6/2024	266.411.653.963	19.097.296,23	13.950,22	(18,54)
Kỳ 7 Tháng 6/2024	269.278.898.030	19.246.953,59	13.990,72	40,50
Kỳ 8 Tháng 6/2024	271.118.452.528	19.390.400,32	13.982,09	(8,63)
Kỳ cuối Tháng 6/2024	272.129.765.595	19.474.378,86	13.973,73	(8,36)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 7/2024	272.189.422.485	19.474.378,86	13.976,79	3,06
Kỳ 2 Tháng 7/2024	274.062.511.209	19.628.418,19	13.962,53	(14,26)
Kỳ 3 Tháng 7/2024	275.121.372.738	19.660.897,68	13.993,32	30,79
Kỳ 4 Tháng 7/2024	278.293.441.370	19.832.154,46	14.032,43	39,11
Kỳ 5 Tháng 7/2024	279.658.358.434	19.848.407,02	14.089,71	57,28
Kỳ 6 Tháng 7/2024	282.806.122.623	20.060.149,88	14.097,90	8,19
Kỳ 7 Tháng 7/2024	286.289.559.329	20.337.175,04	14.077,15	(20,75)
Kỳ 8 Tháng 7/2024	290.878.584.448	20.661.327,52	14.078,40	1,25
Kỳ 9 Tháng 7/2024	290.242.237.411	20.666.714,54	14.043,94	(34,46)
Kỳ cuối Tháng 7/2024	290.945.410.448	20.739.947,35	14.028,26	(15,68)
Kỳ 1 Tháng 8/2024	295.401.457.528	20.979.820,93	14.080,26	52,00
Kỳ 2 Tháng 8/2024	296.816.205.683	21.001.238,54	14.133,27	53,01
Kỳ 3 Tháng 8/2024	301.373.299.736	21.298.784,02	14.149,78	16,51
Kỳ 4 Tháng 8/2024	300.909.891.941	21.334.625,85	14.104,29	(45,49)
Kỳ 5 Tháng 8/2024	303.186.385.541	21.365.946,39	14.185,17	85,87
Kỳ 6 Tháng 8/2024	302.086.568.007	21.295.940,47	14.185,17	(4,99)
Kỳ 7 Tháng 8/2024	303.287.275.697	21.371.453,45	14.191,23	6,06
Kỳ 8 Tháng 8/2024	305.168.056.421	21.497.409,76	14.195,57	4,34
Kỳ cuối Tháng 8/2024	308.300.480.367	21.736.186,12	14.183,74	(11,83)
Kỳ 1 Tháng 9/2024	308.433.290.106	21.736.186,12	14.189,85	6,11
Kỳ 2 Tháng 9/2024	313.736.307.784	22.110.632,82	14.189,38	(0,47)
Kỳ 3 Tháng 9/2024	314.769.202.780	22.211.392,18	14.171,52	(17,86)
Kỳ 4 Tháng 9/2024	316.079.822.988	22.266.157,67	14.195,52	24,00
Kỳ 5 Tháng 9/2024	319.653.774.826	22.454.815,58	14.235,42	39,90
Kỳ 6 Tháng 9/2024	321.972.530.573	22.560.086,86	14.271,77	36,35
Kỳ 7 Tháng 9/2024	321.093.460.579	22.532.438,66	14.250,27	(21,50)
Kỳ cuối Tháng 9/2024	322.522.737.875	22.641.678,86	14.244,64	(5,63)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 10/2024	327.072.630.731	22.913.314,81	14.274,34	29,70
Kỳ 2 Tháng 10/2024	328.077.099.340	23.053.933,35	14.230,85	(43,49)
Kỳ 3 Tháng 10/2024	328.985.550.896	23.173.281,81	14.196,76	(34,09)
Kỳ 4 Tháng 10/2024	332.449.348.309	23.392.959,61	14.211,51	14,75
Kỳ 5 Tháng 10/2024	335.009.398.251	23.534.574,24	14.234,77	23,26
Kỳ 6 Tháng 10/2024	335.520.313.792	23.662.506,02	14.179,40	(55,37)
Kỳ 7 Tháng 10/2024	338.172.627.540	23.777.201,27	14.222,55	43,15
Kỳ 8 Tháng 10/2024	338.729.163.414	23.772.254,26	14.248,92	26,37
Kỳ 9 Tháng 10/2024	340.639.248.479	23.907.694,18	14.248,10	(0,82)
Kỳ cuối Tháng 10/2024	340.698.006.198	23.918.253,84	14.244,26	(3,84)
Kỳ 1 Tháng 11/2024	341.435.965.222	23.918.253,84	14.275,12	30,86
Kỳ 2 Tháng 11/2024	343.022.911.548	23.963.780,85	14.314,22	39,10
Kỳ 3 Tháng 11/2024	343.206.381.351	23.971.822,09	14.317,07	2,85
Kỳ 4 Tháng 11/2024	343.478.450.190	24.012.706,01	14.304,02	(13,05)
Kỳ 5 Tháng 11/2024	345.520.865.652	24.128.375,18	14.320,10	16,08
Kỳ 6 Tháng 11/2024	346.147.431.487	24.156.786,04	14.329,20	9,10
Kỳ 7 Tháng 11/2024	348.697.661.480	24.257.217,48	14.375,00	45,80
Kỳ 8 Tháng 11/2024	349.805.904.320	24.349.229,93	14.366,19	(8,81)
Kỳ cuối Tháng 11/2024	350.751.202.149	24.424.635,55	14.360,55	(5,64)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 12/2024	350.964.368.147	24.424.635,55	14.369,27	8,72
Kỳ 2 Tháng 12/2024	353.556.995.830	24.590.931,20	14.377,53	8,26
Kỳ 3 Tháng 12/2024	354.531.610.348	24.642.867,39	14.386,78	9,25
Kỳ 4 Tháng 12/2024	363.992.976.935	25.244.138,37	14.418,91	32,13
Kỳ 5 Tháng 12/2024	364.953.607.195	25.319.213,84	14.414,09	(4,82)
Kỳ 6 Tháng 12/2024	368.061.293.292	25.515.111,31	14.425,22	11,13
Kỳ 7 Tháng 12/2024	370.232.356.875	25.706.718,33	14.402,16	(23,06)
Kỳ 8 Tháng 12/2024	373.724.373.173	25.886.191,96	14.437,20	35,04
Kỳ 9 Tháng 12/2024	381.546.851.739	26.377.384,65	14.464,92	27,72
Kỳ cuối Tháng 12/2024	386.080.314.160	26.693.531,62	14.463,44	(1,48)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm **270.500.782.527**

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

85,87

0,17

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2022	89.900.883.497	7.334.382,59	12.257,45	
Kỳ 1 Tháng 1/2023	89.803.639.527	7.334.382,59	12.244,19	(13,26)
Kỳ 2 Tháng 1/2023	89.698.667.025	7.336.188,75	12.226,87	(17,32)
Kỳ 3 Tháng 1/2023	89.804.458.019	7.335.140,63	12.243,04	16,17
Kỳ 4 Tháng 1/2023	89.982.787.983	7.336.806,29	12.264,57	21,53
Kỳ 5 Tháng 1/2023	90.265.509.343	7.336.461,97	12.303,68	39,11
Kỳ 6 Tháng 1/2023	85.066.141.914	6.926.170,80	12.281,84	(21,84)
Kỳ 7 Tháng 1/2023	85.209.615.751	6.927.090,84	12.300,92	19,08
Kỳ 8 Tháng 1/2023	85.382.334.792	6.927.090,84	12.325,85	24,93
Kỳ cuối Tháng 1/2023	85.430.848.712	6.928.782,93	12.329,84	3,99
Kỳ 1 Tháng 2/2023	85.438.173.701	6.928.782,93	12.330,90	1,06
Kỳ 2 Tháng 2/2023	85.372.515.175	6.923.621,07	12.330,61	(0,29)
Kỳ 3 Tháng 2/2023	85.560.901.390	6.928.741,23	12.348,69	18,08
Kỳ 4 Tháng 2/2023	86.243.534.582	6.928.946,29	12.446,84	98,15
Kỳ 5 Tháng 2/2023	88.998.388.475	7.145.339,19	12.455,44	8,60
Kỳ 6 Tháng 2/2023	88.823.674.940	7.145.142,70	12.431,33	(24,11)
Kỳ 7 Tháng 2/2023	88.832.410.356	7.145.359,80	12.432,18	0,85
Kỳ 8 Tháng 2/2023	89.031.957.558	7.146.465,93	12.458,17	25,99
Kỳ cuối Tháng 2/2023	89.556.612.827	7.161.504,01	12.505,27	47,10
Kỳ 1 Tháng 3/2023	89.575.113.029	7.161.504,01	12.507,86	2,59
Kỳ 2 Tháng 3/2023	89.449.064.188	7.163.259,82	12.487,20	(20,66)
Kỳ 3 Tháng 3/2023	89.482.401.856	7.167.663,29	12.484,18	(3,02)
Kỳ 4 Tháng 3/2023	89.211.751.342	7.168.805,23	12.444,43	(39,75)
Kỳ 5 Tháng 3/2023	89.582.496.244	7.170.746,71	12.492,77	48,34
Kỳ 6 Tháng 3/2023	89.896.504.735	7.175.704,23	12.527,89	35,12
Kỳ 7 Tháng 3/2023	89.851.060.295	7.174.720,07	12.523,28	(4,61)
Kỳ 8 Tháng 3/2023	90.333.917.848	7.173.500,02	12.592,72	69,44
Kỳ 9 Tháng 3/2023	90.281.981.809	7.179.266,58	12.575,37	(17,35)
Kỳ cuối Tháng 3/2023	90.556.934.133	7.181.400,97	12.609,92	34,55

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2023	90.651.785.002	7.181.400,97	12.623,13	13,21
Kỳ 2 Tháng 4/2023	90.698.330.642	7.187.386,68	12.619,09	(4,04)
Kỳ 3 Tháng 4/2023	90.471.901.423	7.153.959,09	12.646,41	27,32
Kỳ 4 Tháng 4/2023	89.549.657.003	7.084.047,78	12.641,02	(5,39)
Kỳ 5 Tháng 4/2023	89.553.952.230	7.098.329,05	12.616,20	(24,82)
Kỳ 6 Tháng 4/2023	89.481.086.036	7.076.926,71	12.644,06	27,86
Kỳ 7 Tháng 4/2023	89.789.493.172	7.081.369,79	12.679,67	35,61
Kỳ 8 Tháng 4/2023	89.750.233.319	7.084.306,98	12.668,87	(10,80)
Kỳ cuối Tháng 4/2023	90.169.253.985	7.085.571,63	12.725,75	56,88
Kỳ 1 Tháng 5/2023	90.237.033.937	7.085.571,63	12.735,32	9,57
Kỳ 2 Tháng 5/2023	89.337.631.558	7.085.443,79	12.608,61	(126,71)
Kỳ 3 Tháng 5/2023	89.635.637.819	7.102.249,40	12.620,73	12,12
Kỳ 4 Tháng 5/2023	89.390.579.256	7.107.606,07	12.576,74	(43,99)
Kỳ 5 Tháng 5/2023	89.246.726.317	7.112.849,11	12.547,25	(29,49)
Kỳ 6 Tháng 5/2023	89.775.625.083	7.117.746,29	12.612,92	65,67
Kỳ 7 Tháng 5/2023	90.038.132.405	7.119.029,89	12.647,52	34,60
Kỳ 8 Tháng 5/2023	90.602.943.876	7.153.691,88	12.665,20	17,68
Kỳ cuối Tháng 5/2023	90.704.330.167	7.154.257,57	12.678,37	13,17
Kỳ 1 Tháng 6/2023	91.492.692.431	7.157.098,23	12.783,48	105,11
Kỳ 2 Tháng 6/2023	91.902.495.630	7.178.868,71	12.801,80	18,32
Kỳ 3 Tháng 6/2023	91.974.958.467	7.178.428,24	12.812,68	10,88
Kỳ 4 Tháng 6/2023	90.475.733.889	7.060.422,53	12.814,49	1,81
Kỳ 5 Tháng 6/2023	89.863.879.765	7.004.462,56	12.829,51	15,02
Kỳ 6 Tháng 6/2023	89.866.967.998	7.006.463,33	12.826,29	(3,22)
Kỳ 7 Tháng 6/2023	89.698.008.012	7.010.585,35	12.794,65	(31,64)
Kỳ 8 Tháng 6/2023	89.544.468.333	7.018.290,19	12.758,72	(35,93)
Kỳ cuối Tháng 6/2023	89.892.918.590	7.031.444,30	12.784,41	25,69

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 7/2023	90.209.895.208	7.031.444,30	12.829,49	45,08
Kỳ 2 Tháng 7/2023	90.353.013.749	7.052.914,50	12.810,73	(18,76)
Kỳ 3 Tháng 7/2023	91.024.497.201	7.053.633,91	12.904,62	93,89
Kỳ 4 Tháng 7/2023	91.033.333.127	7.032.711,30	12.944,27	39,65
Kỳ 5 Tháng 7/2023	90.971.424.742	7.042.354,11	12.917,75	(26,52)
Kỳ 6 Tháng 7/2023	90.881.626.579	7.044.190,90	12.901,64	(16,11)
Kỳ 7 Tháng 7/2023	90.916.395.395	7.051.432,51	12.893,32	(8,32)
Kỳ 8 Tháng 7/2023	90.600.962.300	7.045.689,91	12.859,06	(34,26)
Kỳ cuối Tháng 7/2023	91.205.165.456	7.052.272,17	12.932,73	73,67
Kỳ 1 Tháng 8/2023	91.759.091.680	7.064.460,26	12.988,83	56,10
Kỳ 2 Tháng 8/2023	92.027.055.947	7.078.401,78	13.001,10	12,27
Kỳ 3 Tháng 8/2023	92.096.312.089	7.089.648,97	12.990,24	(10,86)
Kỳ 4 Tháng 8/2023	92.935.340.748	7.138.509,38	13.018,87	28,63
Kỳ 5 Tháng 8/2023	93.159.772.855	7.152.950,02	13.023,96	5,09
Kỳ 6 Tháng 8/2023	99.909.930.746	7.676.664,13	13.014,75	(9,21)
Kỳ 7 Tháng 8/2023	105.565.423.202	8.100.353,79	13.032,19	17,44
Kỳ 8 Tháng 8/2023	106.457.537.557	8.150.585,67	13.061,33	29,14
Kỳ 9 Tháng 8/2023	107.137.762.051	8.171.336,08	13.111,41	50,08
Kỳ cuối Tháng 8/2023	107.109.151.742	8.180.091,89	13.093,88	(17,53)
Kỳ 1 Tháng 9/2023	107.205.559.984	8.180.091,89	13.105,66	11,78
Kỳ 2 Tháng 9/2023	107.421.154.929	8.184.020,00	13.125,71	20,05
Kỳ 3 Tháng 9/2023	107.833.255.600	8.201.778,13	13.147,54	21,83
Kỳ 4 Tháng 9/2023	108.851.163.243	8.264.577,90	13.170,80	23,26
Kỳ 5 Tháng 9/2023	108.891.240.526	8.248.848,57	13.200,78	29,98
Kỳ 6 Tháng 9/2023	109.038.066.411	8.273.667,48	13.178,92	(21,86)
Kỳ 7 Tháng 9/2023	108.596.689.736	8.271.033,80	13.129,76	(49,16)
Kỳ 8 Tháng 9/2023	106.874.558.697	8.136.385,52	13.135,38	5,62
Kỳ cuối Tháng 9/2023	107.586.936.127	8.162.164,15	13.181,17	45,79

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 10/2023	107.612.297.289	8.162.164,15	13.184,28	3,11
Kỳ 2 Tháng 10/2023	108.165.326.869	8.195.569,31	13.198,02	13,74
Kỳ 3 Tháng 10/2023	107.924.224.412	8.143.298,37	13.253,13	55,11
Kỳ 4 Tháng 10/2023	108.933.576.509	8.210.519,24	13.267,56	14,43
Kỳ 5 Tháng 10/2023	109.508.200.692	8.238.971,65	13.291,48	23,92
Kỳ 6 Tháng 10/2023	109.830.484.211	8.289.541,21	13.249,28	(42,20)
Kỳ 7 Tháng 10/2023	110.150.366.945	8.303.550,25	13.265,45	16,17
Kỳ 8 Tháng 10/2023	110.474.164.214	8.321.044,74	13.276,47	11,02
Kỳ 9 Tháng 10/2023	110.717.855.476	8.309.624,58	13.324,05	47,58
Kỳ cuối Tháng 10/2023	111.102.900.019	8.321.136,18	13.351,89	27,84
Kỳ 1 Tháng 11/2023	111.090.196.321	8.321.136,18	13.350,36	(1,53)
Kỳ 2 Tháng 11/2023	112.400.429.134	8.406.428,75	13.370,77	20,41
Kỳ 3 Tháng 11/2023	112.736.831.982	8.447.010,63	13.346,35	(24,42)
Kỳ 4 Tháng 11/2023	113.648.973.159	8.560.182,22	13.276,46	(69,89)
Kỳ 5 Tháng 11/2023	113.907.185.781	8.585.769,77	13.266,97	(9,49)
Kỳ 6 Tháng 11/2023	115.432.951.979	8.673.449,23	13.308,77	41,80
Kỳ 7 Tháng 11/2023	116.117.898.497	8.719.615,41	13.316,86	8,09
Kỳ 8 Tháng 11/2023	117.201.401.699	8.752.261,43	13.390,98	74,12
Kỳ 9 Tháng 11/2023	116.492.703.648	8.690.172,19	13.405,10	14,12
Kỳ cuối Tháng 11/2023	115.371.826.587	8.627.321,47	13.372,84	(32,26)



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 12/2023	115.554.514.447	8.627.321,47	13.394,01	21,17
Kỳ 2 Tháng 12/2023	117.194.247.225	8.726.703,56	13.429,38	35,37
Kỳ 3 Tháng 12/2023	117.232.263.162	8.745.938,40	13.404,19	(25,19)
Kỳ 4 Tháng 12/2023	118.393.210.575	8.810.690,67	13.437,44	33,25
Kỳ 5 Tháng 12/2023	120.005.590.222	8.966.996,94	13.383,03	(54,41)
Kỳ 6 Tháng 12/2023	120.499.733.692	8.992.567,07	13.399,92	16,89
Kỳ 7 Tháng 12/2023	121.570.759.874	9.023.784,56	13.472,25	72,33
Kỳ 8 Tháng 12/2023	122.327.814.254	9.084.989,40	13.464,82	(7,43)
Kỳ cuối Tháng 12/2023	143.304.007.478	10.639.576,72	13.468,95	4,13

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm **98.289.477.009**

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất

(126,71)

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

(0,29)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)</i>
Đến một năm	26.693.531,62	10.639.576,72

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

	<i>Năm nay (%)</i>	<i>Năm trước (%)</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	0,66	1,35
Tốc độ vòng quay danh mục	44,08	20,87

20.1 *Tỷ lệ chi phí hoạt động*

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 *Tốc độ vòng quay danh mục*

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quý. Quý cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quý đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới giá trái phiếu.

Ảnh hưởng: Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu có lãi suất cố định giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất tăng còn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức phát hành, đặc biệt các tổ chức sử dụng đòn bẩy cao. Theo đó, mức rủi ro của tổ chức phát hành có thể tăng lên và đẩy lợi tức trái phiếu do doanh nghiệp đó phát hành tăng theo, làm suy giảm giá trái phiếu của doanh nghiệp đó.

Phương pháp quản trị rủi ro: Quý giảm thiểu rủi ro lãi suất bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với các kỳ vọng về lãi suất. Cụ thể là Quý sẽ nắm giữ trái phiếu có lãi suất cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lãi suất thả nổi hơn khi lãi suất được dự báo tăng và ngược lại khi lãi suất được dự báo giảm. Đòn bẩy của các công ty Quý đầu tư vào và ảnh hưởng tiềm tàng của rủi ro lãi suất đến các khoản đầu tư của Quý sẽ được theo dõi thường xuyên.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quý là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có do Quý không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các trái phiếu niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quý cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quý là 201.573.764.608 đồng. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ giảm khoảng 20.157.376.461 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá thị trường của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quý sẽ tăng lên khoảng 20.157.376.461 đồng.

11/11/2024
Á C
IN
V

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

21.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

==
:C
IN
31
E
/B
==

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	476.897.687	98.298.524

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	62.095.573	10.374.238
Phải trả phí về mua lại Chứng chỉ quỹ	137.923.859	-
	200.019.432	10.374.238

b) Thủ lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	-

180
3 T
H
Y
C
IAI
OC

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC
(tiếp theo)

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) *Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ*

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ năm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ năm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	5.000.000,24	18,73	5.000.000,24	46,99
Bên liên quan khác		297.935,01	1,12	227.268,11	2,14
		5.297.935,25	19,85	5.227.268,35	49,13

23.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ. Theo đó, từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng; từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC
 (tiếp theo)

23.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Giá dịch vụ giám sát	211.200.000	211.200.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	132.000.000	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	12.100.000	7.700.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	448.800.000	426.800.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.270.878	1.326.902
Phí ngân hàng	12.342.000	8.750.500

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>VNĐ</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VNĐ</i>
Tiền gửi thanh toán	8.756.405.187	11.097.051.006
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000	17.600.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	220.000	-
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Bà Lê Vân
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu



Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

